TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2025
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Bà Trương Thị Thu Thuỷ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 570/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Minh H, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 166, tổ 4, ấp Bình T, xã Bình M, huyện Châu P, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1977, địa chỉ: Số 166, tổ 4, ấp Bình T, xã Bình M, huyện Châu P, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2024, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là bà Lê Minh H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông H chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 04/10/2007. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, hơn nữa năm 2019 bà có đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Châu Phú ly hôn với ông H, nhưng bà rút đơn cho ông H cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà H yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh năm 2001 và Nguyễn Hoàng Duy H, sinh năm 2005, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H đến trụ sở Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông H vắng mặt không có lý do, nên Toà án không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông H.

Tại phiên toà:

* Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn.

* Bị đơn là ông Nguyễn Duy H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà H chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 04/10/2007. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà H thường xuyên đi đám tiệc uống rượu, ông không đồng ý từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, trong lúc cự cãi ông có đánh bà H. Năm 2019 bà H có đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Châu Phú ly hôn với ông H, nhưng bà H rút đơn cho ông H cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nếu ly hôn sợ con cái buồn phiền nên ông H không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh năm 2001 và Nguyễn Hoàng Duy H, sinh năm 2005, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên toà.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H và ông H chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 04/10/2007 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của bà H và ông H có căn cứ xác định trong quá trình chung sống giữa bà H và ông H có phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng từ năm 2019 cho đến nay.

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã cố gắn động viên, hoà giải để bà H và ông H đoàn tụ nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn, không muốn vợ chồng đoàn tụ.

Ông H cho rằng vẫn còn tình cảm với bà H, không đồng ý ly hôn, tuy nhiên Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H nhiều lần đến trụ sở Tòa án để tiến hành hòa giải về yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Hơn nữa vào năm 2019, bà H có đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Châu Phú yêu cầu ly hôn với ông H, nhưng bà H rút đơn khởi kiện, cho ông H cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Điều này cho thấy sự thiếu quyết tâm của ông H trong hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà H và ông H. Tại biên bản xác minh do Tòa án lập ngày 11/12/2024, đại diện ban ấp Bình Tân, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú cho biết trong quá trình chung sống bà H và ông H có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ do không nhận được thông tin.

Từ cơ sở trên xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà H yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Bà H và ông H có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh năm 2001 và Nguyễn Hoàng Duy H, sinh năm 2005, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Minh H.

Bà Lê Minh H được ly hôn với ông Nguyễn Duy H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006016 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Ông Nguyễn Duy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng